

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST  
Ngày 29-6-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Thành

Ông Nguyễn Hữu Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 17/7/2001; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hoà Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1980; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 13/12/2022; tạm giam: Ngày 19/12/2022.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1986, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ngô Thị L, sinh năm 1980, có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Nguyễn Văn D1, sinh năm 1980, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Cẩm S1, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Trần Văn M, sinh năm 1960, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc S, ngụ ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản nên vào khoảng 11 giờ ngày 12/12/2022, điều khiển xe mô tô biển số 67K1-629.15 loại FUTURE, từ nhà đi hướng ngã 3 xã A, huyện T, đến cầu P, rẽ phải vào đường nông thôn. Đến khu vực thuộc ấp A, xã P, phát hiện chị Nguyễn Thị Mỹ D điều khiển xe chạy ngược chiều, trên xe có ghế trẻ em, trên ghế có 01 cặp da, S điều khiển xe quay đầu lại, vượt lên, dùng tay phải giật cặp da, nhanh chóng tẩu thoát về hướng xã A. Đến ngang Trung tâm học tập cộng đồng xã A, S ngừng xe lại, mở cặp da, lấy 2 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc lắc vàng loại lắc trẻ em, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, 2.200.000 đồng, riêng cặp da và các giấy tờ của D ném bỏ và S mở yên xe lấy biển số xe lắp lại (do trước đó sợ bị phát hiện nên tháo biển số xe), tiếp tục điều khiển xe về huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Về đến ấp Hoà Bình 3, xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, thấy điện thoại di động hiệu SAMSUNG của D có nhiều cuộc gọi, sợ bị phát hiện S ném bỏ xuống kênh C. Sau đó, S đến gặp bạn là Nguyễn Thị Cẩm S1, đưa cho 1.500.000 đồng nói là tiền công đi thu tiền góp. Tiếp tục, S đến tiệm V tại ấp B, xã P, huyện P, gặp Nguyễn Văn D1 bán 02 sợi dây chuyền vàng được 9.980.000 đồng. Sau khi bán vàng, S mang tiền về đưa cho mẹ là bà Ngô Thị L số tiền 9.000.000 đồng, nói tiền của người quen gửi nhờ bà L giữ. Đến ngày 13/12/2022, S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với cặp da và các giấy tờ của D, ông Trần Văn M phát hiện tại ấp A, xã A, kiểm tra bên trong có số điện thoại, nên liên lạc trả lại cho D.

Vật chứng thu giữ: Thu của Nguyễn Thị Cẩm S1: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng; thu của Nguyễn Thị Mỹ D: 01 cặp da, loại màu đen, mặt trước cặp có in dập nổi chữ KIMLONG, đã qua sử dụng; thu của Nguyễn Văn D1: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có phần khoen, có ký hiệu “KL610”, dài 50 cm, chiều rộng khoen 0,2 cm; 01 dây chuyền bằng kim loại

màu vàng, trên dây chuyền có phần khoen, có ký hiệu “KL610”, dài 35 cm, chiều rộng khoen 0,1 cm; thu của Nguyễn Ngọc S, Tiền Việt Nam 400.000 đồng; 02 vòng bằng kim loại màu vàng, loại lắc trẻ em (được niêm phong) và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE màu đỏ ghi xám, biển số 67K1-629.15, xe do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu; thu của Ngô Thị L: Tiền Việt Nam 9.000.000 đồng.

Riêng điện thoại di động hiệu SAMSUNG, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định số: 1190/KL-KTHS ngày 29/12/2022 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận: Một chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in lõm ký hiệu “KDAL 610” (ký hiệu mẫu M1), được niêm phong trong phong bì nêu trên gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 59,5 %, có khối lượng 1,955 gam; Một chiếc vòng bằng kim loại màu vàng (bị móp và gãy 1 phần), có in lõm ký hiệu “KDAL 610” (ký hiệu mẫu M2), được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 57,6 %, có khối lượng 1,437 gam; Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có in lõm ký hiệu “KL 610” (ký hiệu mẫu M3), được niêm phong trong phong bì nêu trên gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 59,6 %, có khối lượng 8,339 gam; Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có in lõm ký hiệu “KL 610” (ký hiệu mẫu M4), được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 60,4 %, có khối lượng 3,826 gam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 03/3/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Các loại tài sản theo Yêu cầu định giá tài sản số: 04/YC-ĐGTS ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giá trị định giá là 13.482.733 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-ĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Một điện thoại di động hiệu S2, loại A12, màu đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 1.930.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKS-TN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S, phạm tội “Cướp giật tài sản” mức án tù 03 năm đến 04 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc S khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị L trình bày: Việc bị cáo S cướp giật tài sản bà hoàn toàn không biết. Trong quá trình điều tra bà có bồi thường cho bị hại số tiền 3.980.000đồng thay bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

- Người làm chứng chị Nguyễn Thị Cẩm S1 trình bày: Bị cáo S có cho chị số tiền 1.500.000đồng và nói tiền đi thu tiền góp. Việc bị cáo S cướp giật tài sản chị hoàn toàn không biết, quá trình điều tra chị đã nộp lại số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản hiện trường và Sơ đồ hiện trường vụ án ngày 31/3/2023, Bản ảnh của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường và Sơ đồ hiện trường vụ án ngày 31/3/2023, Bản ảnh của Công an huyện T; Bản kết luận giám định số: 1190/KL-KTHS ngày 29/12/2022 của Phòng K - Công an tỉnh Đ; Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 03/3/2023 và Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-ĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 12/12/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc S điều khiển xe mô tô biển số 67K1-629.15 loại FUTURE từ ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, đến ấp A, xã P, bị cáo phát hiện Nguyễn Thị Mỹ D điều khiển xe chạy ngược chiều, trên xe có ghế trẻ em, trên ghế có 01 cặp da nên bị cáo điều khiển xe quay đầu lại vượt lên, dùng tay phải giật cái cặp da rồi điều khiển xe nhanh chóng tẩu thoát về nhà, tài sản bị cáo cướp giật gồm có 2 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc lắc vàng loại lắc trẻ em theo Kết luận định giá là 13.482.733đồng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG theo Kết luận định giá là 1.930.000đồng và tiền mặt là 2.200.000đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt là 17.612.733đồng.

Bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, đây là tình tiết định khung của tội danh “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

[3] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân bị cáo có đủ năng lực, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại xong; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo nghề nghiệp làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo S đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của chị Duyên số tiền 3.000.000đồng và anh D1 số tiền 980.000đồng đã nhận xong, chị D và D1 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Đối với cặp da và các tài sản khác của chị D đã qua sử dụng, không có

giá trị, chị D không yêu cầu định giá và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Thu của Nguyễn Thị Cẩm S1 tiền Việt Nam 1.500.000 đồng; thu của Nguyễn Văn D1: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có phần khoen, có ký hiệu “KL610”, dài 50 cm, chiều rộng khoen 0,2 cm; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên dây chuyền có phần khoen, có ký hiệu “KL610”, dài 35 cm, chiều rộng khoen 0,1 cm; thu của Nguyễn Ngọc S, tiền Việt Nam 400.000 đồng; 02 vòng bằng kim loại màu vàng, loại lắc trẻ em (được niêm phong); thư giữ của Nguyễn Thị Mỹ D, 01 cặp da, loại màu đen, mặt trước cặp có in dập nổi chữ KIMLONG, đã qua sử dụng; thu của Ngô Thị L, tiền Việt Nam 9.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại D và anh D1 xong nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE màu đỏ ghi xám, biển số 67K1-629.15, xe do Nguyễn Văn T (cha bị cáo S) đứng tên chủ sở hữu, bị cáo S lấy xe đi cướp giật tài sản ông T không biết. Cơ quan điều tra đã trả cho ông T nhận lại xong nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu bị cáo S trả lại số tiền 3.980.000 đồng đã bồi thường cho chị D và anh D1 nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với Ngô Thị L, Nguyễn Thị Cẩm S1, Nguyễn Văn D1 không biết tài sản bị cáo S có được do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 (ba) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13 tháng 12 năm 2022.

**2.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**3.** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hứa Quang Thông**